TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày 31-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Hương

Bà Lương Thị Nụ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Văn San – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 28/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 19/5/2023 đối với bị cáo:

Sùng Mí M (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1979 tại huyện MV, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Mông, giới tính: Nam, tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông S Mí L (đã chết) và con bà Già Thị D, sinh năm 1947; Gia đình bị cáo có 06 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Vừ Thị D; con 06 con; Tiền án: 02, bản án 06/2017/HSST ngày 09/5/2017 bị Toà án nhân dân huyện BL kết án về tội Trộm cắp tài sản, xử phạt 16 tháng tù; bản án số 29/2019/HSST ngày 15/10/2019 bị Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng kết án về tội Trộm cắp tài sản, xử phạt 18 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 05/12/2020, chưa được xoá án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/3/1998, bị công an tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 28/6/2007 bị Toà án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang kết án về tội Trộm cắp tài sản, xử phạt 06 tháng tù; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ma Văn S, sinh năm 1975; Địa chỉ: xóm NĐ, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Hoàng A T; Địa chỉ: Khu xx, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/01/2023, anh Ma Văn S đến trình báo với Công an xã NQ về việc đêm ngày 06/10/2022 gia đình anh bị mất trộm 01 xe mô tô BKS 11M1-xxxx. Công an xã NQ sàng lọc các đối tượng nghi vấn, xác định được Sùng Mí M là người đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe của anh S.

Tại cơ quan điều tra, Sùng Mí M khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 06/10/2022, Sùng Mí M đi bộ từ nhà bà Mã Thị D thuộc xóm PR, xã NQ, huyện BL đến xóm NĐ, xã NQ, huyện BL với mục đích tìm tài sản sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp, khi M đi đến nhà anh Ma Văn S phát hiện ở gầm sàn nhà của S có một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen BKS: 11 M1-XXXX để cạnh cầu thang đi lên nhà, M lại gần phát hiện chìa khoá vẫn để trong ổ khoá, M cho rằng người trong nhà đã ngủ nên M dùng tay quay đầu xe và dắt xe xuống đường liên xóm. Khi M vừa dắt xe xuống đường thì M ngồi lên xe, nổ máy, điều khiển xe đi đến nhà bà Mã Thị D. M lấy xăng đổ vào xe vừa trộm được và điều khiển xe đến nhà mẹ đẻ là bà Già Thị D tại huyện MV, tỉnh Hà Giang. Bà D có hỏi "Xe máy lấy đâu về" nhưng M không trả lời mà nói "Để xe máy ở đây". M lấy xe mô tô BKS 98E1-xxxx mà M đã M lại với người khác để trở lại nhà tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Khoảng 03 ngày đến 04 ngày sau, M quay lại nhà mẹ đẻ, M tháo và tráo đổi vỏ, yếm, biển số xe của xe mô tô BKS: 11 M1-XXXX với vỏ, yếm, biển số xe của xe BKS 98E1-xxxx, sau đó M đi xe BKS 98E1-xxxx về nhà tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Khoảng 10 ngày sau, M gặp S Mí C tại huyện MV, tỉnh Hà Giang, qua trao đổi, M và C thoả thuận giá chiếc xe BKS 98E1-xxxx là 3.400.000 đồng. M nói với C, chiếc xe là M M với 01 người quen tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS, ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện BL, tỉnh Cao Bằng kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen BKS: 11 M1-XXXX là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng chẵn).

Vật Chứng thu giữ: 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số xxxx, BKS đăng ký 11M1-xxxx; 01 xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen đang gắn BKS: 11 M1-XXXX; 01 xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu vàng đen đang gắn BKS 98E1-xxxx. Ngày 20/4/2023, Công an huyện BL đã phối hợp với những người liên quan tiến hành lập biên bản về việc tháo đổi phần thân vỏ, yếm và biển kiểm soát của 02 chiếc xe mô tô về hiện trạng ban đầu, ra quyết định trả lại chủ sở hữu hợp pháp các vật Chứng: Trả lại ông Ma Văn S 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 xe mô tô BKS: 11 M1-XXXX; trả lại cho S Mí C 01 xe mô tô gắn BKS 98E1-xxxx. Bị hại Ma Văn S không yêu cầu M phải bồi thường.

Với các Chứng cứ nêu trên, Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSBL ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Sùng Mí M về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Sùng Mí M khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL truy tố bị cáo là

đúng. Bị hại Ma Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, trình bày, anh đã nhận lại được tài sản là chiếc xe máy, anh không yêu cầu bị cáo M phải bồi thường.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo M phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo M từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù; Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề nghị xem xét; Về xử lý vật Chứng: Vật Chứng là chiếc xe máy đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL trả lại cho người bị hại nên không đề nghị xem xét; Về án phí, đề nghị buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đề nghị là cao, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo mức hình phạt 26 tháng tù. Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với bị cáo, xác định, bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nghiêm trọng theo điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù đối với bị cáo đã là mức đề nghị thấp của khung hình phạt nên giữ nguyên mức đề nghị.

Lời nói sau cùng, bị cáo tự nhận bản thân thực hiện hành vi trộm cắp là sai, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 26 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp. Các Chứng cứ tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên huyện BL thu thập đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu, Chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 06/10/2022, tại xóm NĐ, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Sùng Mí M đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen BKS: 11 M1-XXXX có giá trị 5.000.000 đồng của anh Ma Văn S để có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá trên 2.000.000 đồng của bị cáo M là bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Trước đó, vào ngày 15/10/2019 bị cáo M đã bị Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng kết án về tội Trộm cắp tài sản, bị xử phạt 18 tháng tù theo bản án số 29/2019/HS-ST, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 05/12/2020, tính đến ngày phạm tội lần này

(06/10/2022), bị cáo chưa được xoá án tích, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 70 của Bộ luật Hình sự; cũng tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 15/10/2019 trên, đã xác định bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên lần phạm tội này là bị cáo phạm tội "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm b, khoản 2, Điều 53 của Bộ luật Hình sự, thuộc tình tiết định khung theo điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo M về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội chỉ do một mình bị cáo thực hiện, không có đồng phạm. Bị cáo phạm tội có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo biết rõ trộm cắp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác là hành vi trái pháp luật nhưng với bản tính ham chơi, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài bất hợp pháp mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó, cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã bị xử phạt hành chính và bị kết án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chưa được xoá án tích nên xác định bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể, ngày 24/3/1998, bị công an tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, ngày 28/6/2007 bị Toà án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang kết án về tội Trộm cắp tài sản, ngày 09/5/2017 bị Toà án nhân dân huyện BL kết án về tội Trộm cắp tài sản, ngày 15/10/2019 bị cáo tiếp tục bị Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng kết án về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 5.000.000 đồng, cần thiết phải xử phạt bị cáo ở nửa đầu khung hình phạt của khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, dù được giảm nhưng đề nghị của bị cáo xin được hưởng mức hình phạt 26 tháng tù cũng là quá nhẹ nên không được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, theo biên bản xác minh hoàn cảnh gia đình bị cáo vào ngày 07/4/2023, xác định, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo không có việc làm ổn định, sử dụng ma túy, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về bồi thường dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại không yêu cầu bị

cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật Chứng, đồ vật liên quan: Công an huyện BL đã phối hợp với những người liên quan tiến hành lập biên bản về việc tháo đổi phần thân vỏ, yếm và biển kiểm soát của 02 chiếc xe mô tô về hiện trạng ban đầu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã quyết định trả lại cho bị hại Ma Văn S 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 xe mô tô BKS: 11 M1-XXXX; trả lại cho S Mí C 01 xe mô tô gắn BKS 98E1-xxxx nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với S Mí C là người M chiếc xe gắn thân, vỏ, yếm, BKS: 11 M1-XXXX nhưng những bộ phận quan trọng của chiếc xe là tài sản mà M đã M với người khác, C không biết chiếc xe đã bị tráo đổi các bộ phận, không có sự hứa hẹn, thống nhất nên C không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với C là đúng.

[11] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL về tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, án phí đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Sùng Mí M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Mí M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 23/01/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Sùng Mí M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim